

DANH SÁCH VIÊN CHỨC CÓ ĐỦ CÁC TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN CỬ XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP GIÁO VIÊN TRUNG HỌC CƠ SỞ NĂM 2026
(Kèm theo văn bản số 411 /VB-THCS ngày 28 tháng 8 năm 2026 của trường THCS Bãi Cháy)

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ công tác	Thời gian giữ chức danh nghề nghiệp (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	CDNN, mã số, mức lương hiện hưởng (ghi theo QĐ lương hiện hưởng)						Hạng CDNN		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng			
		Nam	Nữ			Chức danh nghề nghiệp	Mã số	Bậc	Hệ số lương	Vượt khung (nếu có)	Thời gian nâng bậc lương lần sau kể từ ngày	Từ Hạng CDNN	Lên Hạng CDNN	Trình độ và chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp (nếu có ghi đúng tên như VD)	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ
I.	TRƯỜNG THCS BÃI CHÁY																
	VIÊN CHỨC GIÁO VIÊN																
1	Đặng Thị Ánh Tuyết		22/01/1975	Giáo viên	14 năm 8 tháng	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.31	5	5,36		01/3/2024	II	I	ĐHSP Hóa	Chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn CDNN giáo viên THCS hạng I	Tin học ứng dụng Trình độ B	Chứng chỉ Tiếng Anh (Trình độ B - A1)
2	Đặng Ngọc Linh	08/5/1985		TTCM_ Giáo viên	13 năm 7 tháng	Giáo viên THCS Hạng II	V.07.04.31	3	4,68		01/8/2026	II	I	ĐH sư phạm Địa lí	Chứng chỉ chức danh nghề nghiệp GVTHCS hạng I	UDCNTTCB; Chứng chỉ sơ cấp nghề tin học ứng dụng	Chứng chỉ tiếng Anh trình độ C
3	Nguyễn Thị Phú		06/7/1984	Giáo viên	6 năm 9 tháng	Giáo viên THCS Hạng II	V.07.04.31	2	4,34		1/8/2024	II	I	ĐHSP Mĩ thuật	Chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn CDNN giáo viên THCS	UDCNTTCB; Chứng chỉ sơ cấp nghề tin học ứng dụng	Tiếng Anh trình độ C; Tiếng Trung trình độ A
4	Nguyễn Thị Nga		22/10/1978	Giáo viên	20 năm 11 tháng	Giáo viên THCS Hạng II	V.07.04.31	4	5.02		01/12/2023	II	I	Thạc sĩ Văn học	Chứng chỉ chức danh nghề nghiệp GVTHCS hạng I	Trung cấp	Chứng chỉ tiếng anh B1
5	Nguyễn Thị Thủy		07/07/1983	TPCM	14 năm 8 tháng	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.31	3	4,68		01/9/2025	II	I	ĐHSP Hoá học	Chứng chỉ chức danh nghề nghiệp GVTHCS hạng I	Chứng chỉ tin học văn phòng quốc tế	Chứng chỉ tiếng Anh trình độ C
6	Lê Thị Kim Oanh		18/9/1981	Giáo viên	14 năm 8 tháng	Giáo viên THCS Hạng II	V.07.04.31	4	5.02		1/7/2024	II	I	Thạc sĩ giáo dục học	Chứng chỉ chức danh nghề nghiệp GVTHCS hạng I	Chứng chỉ tin học C	Chứng chỉ tiếng anh B1
7	Trần Thị Thu Hồng		28/01/1978	TPCM	17 năm 6 tháng	GV THCS Hạng II	V.07.04.31	5	5,36		1/4/2024	II	I	ĐHSP Toán	Chứng chỉ chức danh nghề nghiệp GVTHCS hạng I	Cao đẳng Toán Lý-Tin	Chứng chỉ tiếng Anh trình độ A
8	Vũ Thị Lan Hương		28/09/1977	TPCM	20 năm	GV THCS Hạng II	V.07.04.31	5	5,36		01/12/2025	II	I	ĐHSP tiếng Anh	Chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn CDNN giáo viên THCS	Bằng nghề tin học	đại học